

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
HUYỆN G
TỈNH GIA LAI**

**CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 21/2021/HNGĐ-ST

Ngày: 14 tháng 9 năm 2021

“V/v ly hôn, tranh chấp nuôi con chung”

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**

TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN G, TỈNH GIA LAI

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Lê Văn Đỉnh

Các Hội thẩm nhân dân: 1. Ông Nguyễn Khắc Hùng
2. Bà Nguyễn Thị Lan

- Thư ký phiên tòa: Bà Nguyễn Thị Thắm - Thư ký Tòa án Tòa án nhân dân huyện G, tỉnh Gia Lai.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện G, tỉnh Gia Lai tham gia phiên tòa: Ông Phạm Văn Hùng - Kiểm sát viên.

Ngày 14 tháng 9 năm 2021, tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện G, tỉnh Gia Lai xét xử sơ thẩm công khai vụ án Hôn nhân và gia đình sơ thẩm thụ lý số 26/2021/TLST-HNGĐ ngày 12 tháng 3 năm 2021, về việc “Ly hôn, tranh chấp nuôi con chung khi ly hôn” theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 31/2021/QĐXXST-HNGĐ ngày 23 tháng 8 năm 2021, giữa các đương sự:

- Nguyên đơn: Chị Vi Thị T; Địa chỉ: Thôn B, xã T, huyện G, tỉnh Gia Lai.
Có mặt.

- Bị đơn: Anh Đinh Ngọc H; Địa chỉ: Thôn B, xã T, huyện G, tỉnh Gia Lai.
Vắng mặt.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

1. Nguyên đơn Vi Thị T trình bày:

Về hôn nhân: Chị Vi Thị T và anh Đinh Ngọc H chung sống với nhau từ năm 2006, sau đó tự nguyện đăng ký kết hôn vào ngày 26-8-2009 tại Ủy ban nhân dân xã T, huyện G, tỉnh Gia Lai. Trong quá trình chung sống, vợ chồng thường xuyên xảy ra nhiều mâu thuẫn do bất đồng quan điểm sống và các công việc gia đình, nuôi dạy con cái và vợ chồng không còn tiếng nói chung trong các công việc gia đình nên đã sống ly thân từ khoảng đầu năm 2021 đến nay. Xét thấy tình cảm vợ chồng không còn, vợ chồng không còn khả năng đoàn tụ nên chị T yêu cầu Tòa án giải quyết cho ly hôn với anh H.

Về con chung: Chị Vi Thị T và anh Đinh Ngọc H có 02 con chung là cháu Đinh Thị Tuyết N, sinh ngày 06-8-2006, cháu Đinh Tiến H1, sinh ngày 15-4-2011. Vợ chồng ly thân, cả 02 con đều do chị T đang trực tiếp chăm sóc, giáo dục,

nuôi dưỡng. Chị T yêu cầu Tòa án giải quyết giao cả 02 con chung cho chị T tiếp tục chăm sóc, giáo dục, nuôi dưỡng đến khi thành niên và không yêu cầu anh H cấp dưỡng nuôi con.

Về chia tài sản chung: Chị Vi Thị T không yêu cầu Tòa án giải quyết.

2. Bị đơn Đinh Ngọc H trình bày:

Về hôn nhân: Anh Đinh Ngọc H và chị Vi Thị T có đăng ký kết hôn vào ngày 26-8-2009 tại Ủy ban nhân dân xã T, huyện G, tỉnh Gia Lai. Trong quá trình chung sống, vợ chồng thường xuyên xảy ra nhiều mâu thuẫn do bất đồng quan điểm sống, tính cách không hợp, không đồng cảm, chia sẻ với nhau và các công việc gia đình, nuôi dạy con cái và vợ chồng đã sống ly thân với nhau. Xét thấy mâu thuẫn vợ chồng đã thực sự trầm trọng, tình cảm không còn, mục đích hôn nhân không đạt được nên anh H đồng ý ly hôn với chị T.

Về con chung: Anh Đinh Ngọc H và chị Vi Thị T có 02 con chung là cháu Đinh Thị Tuyết N, sinh ngày 06-8-2006, cháu Đinh Tiến H1, sinh ngày 15-4-2011. Anh H đồng ý giao cả 02 con chung cho chị T tiếp tục chăm sóc, giáo dục, nuôi dưỡng và anh H không phải cấp dưỡng nuôi con.

Về chia tài sản chung: Anh Đinh Ngọc H không yêu cầu Tòa án giải quyết.

3. Đương sự đã giao nộp và Tòa án thu thập các tài liệu, chứng cứ: 01 bản sao Sổ hộ khẩu; 01 bản sao Chứng minh nhân dân Vi Thị T; 01 bản photo Chứng minh nhân dân Đinh Ngọc H; 02 bản sao Giấy khai sinh; 01 Giấy chứng nhận kết hôn; 01 Bản tự khai ngày 11-3-2021; 02 đơn đề nghị và 02 bản tự khai điều đề ngày 26-3-2021; 02 Văn bản trình bày nguyện vọng của cháu Đinh Thị Tuyết N và cháu Đinh Tiến H1; 01 Biên bản xác minh ngày 21-5-2021 của Tòa án.

4. Phát biểu ý kiến, đại diện Viện kiểm sát khẳng định trong quá trình giải quyết vụ án những người tiến hành tố tụng đã tuân thủ đầy đủ các thủ tục tố tụng theo quy định của pháp luật; Tại phiên tòa, Hội đồng xét xử cũng đã thực hiện đầy đủ các thủ tục tố tụng kể từ khi bắt đầu phiên tòa cho đến trước khi nghị án; Đối với bị đơn vắng mặt tại phiên tòa có đơn đề nghị xét xử vắng mặt nên đề nghị Hội đồng xét xử căn cứ vào Điều 228 của Bộ luật Tố tụng dân sự xét xử vắng mặt; Về việc giải quyết vụ án: Đề nghị Hội đồng xét xử chấp nhận toàn bộ yêu cầu khởi kiện về việc ly hôn và nuôi con chung của nguyên đơn.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

[1] Về thủ tục tố tụng: Xét nội dung yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn phù hợp với quy định của pháp luật, vụ án thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án được quy định tại các Điều 28, Điều 35 và Điều 39 của Bộ luật Tố tụng dân sự nên được xem xét giải quyết. Trong quá trình giải quyết vụ án những người tiến hành tố tụng đã tuân thủ đầy đủ các thủ tục tố tụng theo quy định của pháp luật; Đối với bị đơn vắng mặt tại phiên tòa có đơn đề nghị xét xử vắng mặt nên Hội đồng xét xử căn cứ vào khoản 1 Điều 228 của Bộ luật Tố tụng dân sự xét xử vắng mặt.

[2] Về hôn nhân: Chị Vi Thị T và anh Đinh Ngọc H có đăng ký kết hôn vào ngày 26-8-2009 tại Ủy ban nhân dân xã T, huyện G, tỉnh Gia Lai. Chị T và anh H kết hôn trên cơ sở hoàn toàn tự nguyện, không trái pháp luật và có đăng ký kết hôn nên đây là hôn nhân hợp pháp. Hội đồng xét xử thấy rằng, trong thời gian sống chung vợ chồng chị T và anh H thường xuyên xảy ra nhiều mâu thuẫn do bất đồng quan điểm sống, tính cách không hợp, không đồng cảm, chia sẻ với nhau và các công việc gia đình, nuôi dạy con cái và vợ chồng đã sống ly thân với nhau. Chị T yêu cầu ly hôn và anh H cũng đồng ý. Như vậy, có đủ căn cứ để khẳng định mâu thuẫn vợ chồng giữa chị T và anh H đã quá trầm trọng, mục đích hôn nhân không đạt được, vợ chồng không còn khả năng đoàn tụ nên Hội đồng xét xử chấp nhận yêu cầu ly hôn của chị T.

[3] Về con chung: Chị Vi Thị T và anh Đinh Ngọc H có 02 con chung là cháu Đinh Thị Tuyết N, sinh ngày 06-8-2006, cháu Đinh Tiến H1, sinh ngày 15-4-2011. Hội đồng xét xử thấy rằng, chị T và anh H đều thống nhất giao cả 02 con chung cho chị T tiếp tục chăm sóc, giáo dục, nuôi dưỡng và anh H không pH cấp dưỡng nuôi con. Sự thống nhất của chị T và anh H cũng phù hợp với nguyện vọng của cả 02 con. Do vậy, Hội đồng xét xử chấp nhận yêu cầu nuôi con chung của chị T. Chị T không yêu cầu anh H cấp dưỡng nuôi con, đây là quyền tự định đoạt của đương sự nên Hội đồng xét xử không xem xét.

[4] Về chia tài sản chung: Chị Vi Thị T và Anh Đinh Ngọc H đều không yêu cầu Tòa án giải quyết nên Hội đồng xét xử không xem xét.

[5] Về án phí: Chị Vi Thị T à người khởi kiện yêu cầu ly hôn nên phải chịu 300.000 đồng tiền án phí dân sự sơ thẩm về việc ly hôn.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

- Áp dụng các Điều 8, Điều 9, Điều 51, Điều 56, Điều 58, Điều 81, Điều 82, Điều 83, Điều 84 của Luật Hôn nhân và gia đình.

- Áp dụng các Điều 144, Điều 147, Điều 228 của Bộ luật Tố tụng dân sự;

- Áp dụng Điều 27 của Nghị quyết số: 326/2016/UBTVQH14 ngày 30-12-2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án;

Tuyên xử:

1. Về hôn nhân:

Cho ly hôn giữa chị Vi Thị T và anh Đinh Ngọc H.

2. Về con chung:

Giao con chung của chị Vi Thị T và anh Đinh Ngọc H là các cháu Đinh Thị Tuyết N, sinh ngày 06-8-2006 và cháu Đinh Tiến H1, sinh ngày 15-4-2011 cho Chị Vi Thị T trực tiếp trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng và giáo dục cho đến khi thành niên hoặc đã thành niên mà mất năng lực hành vi dân sự hoặc không có khả

năng lao động và không có tài sản để tự nuôi mình. Anh Đinh Ngọc H không phải cấp dưỡng nuôi con chung.

Cha, mẹ trực tiếp nuôi con cùng các thành viên gia đình không được cản trở người không trực tiếp nuôi con trong việc thăm nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục con.

Vì lợi ích của con, theo yêu cầu của cha, mẹ hoặc cá nhân, tổ chức được quy định tại khoản 5 Điều 84 của Luật Hôn nhân và gia đình, Tòa án có thể quyết định thay đổi người trực tiếp nuôi con chung.

3. Về án phí: Buộc Chị Vi Thị T phải chịu án phí dân sự sơ thẩm về việc ly hôn là 300.000 đồng (ba trăm nghìn đồng), được khấu trừ vào số tiền đã nộp theo Biên lai thu tạm ứng phí, lệ phí Tòa án số 0011877 ngày 11 tháng 3 năm 2021 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện G, tỉnh Gia Lai. Chị Vi Thị T đã nộp đủ tiền án phí.

Trường hợp bản án được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, Điều 7, Điều 7a, Điều 7b và Điều 9 Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật Thi hành án dân sự.

Trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án, các đương sự có quyền kháng cáo Bản án để yêu cầu xét xử phúc thẩm. Đương sự vắng mặt có quyền kháng cáo trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản hoặc bản án được niêm yết.

Nơi nhận:

- VKSND huyện G;
- TAND tỉnh Gia Lai;
- Chi cục THADS huyện G;
- UBND xã T;
- Các đương sự;
- Lưu VT, HSVA.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA
(ĐÃ KÝ)**

Lê Văn Đính